

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68 /2016/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc
và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 21/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công nghệ tổng hợp đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;

Căn cứ Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ;

Xét Tờ trình số 1394/TTr-STNMT và Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 18/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh CNN;
- Phòng TNMT các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6.8./2016/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý Nhà nước đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
2. Các hoạt động về đo đạc bản đồ mà không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc và bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định.
2. Thửa đất là phần diện tích đất được giới hạn bởi ranh giới xác định trên thực địa hoặc được mô tả trên hồ sơ.
3. Bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện các thửa đất và các yếu tố địa lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.
4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất là bản đồ thể hiện sự phân bố các loại đất tại một thời điểm xác định, được lập theo từng đơn vị hành chính.
5. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất là bản đồ được lập tại thời điểm đầu kỳ quy hoạch, thể hiện sự phân bố các loại đất tại thời điểm cuối kỳ của quy hoạch đó.
6. Trích đo địa chính thửa đất là việc đo đạc địa chính riêng đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính để phục vụ yêu cầu quản lý đất đai.
7. Các loại hình sản phẩm đo đạc là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các dữ liệu điều tra khảo sát có liên quan; các sản phẩm bản đồ là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh, tập bản đồ, atlas (tập bản đồ chứa nhiều lớp thông tin khác nhau), bản đồ nổi, quả địa cầu

được thành lập trên các loại vật liệu truyền thống hoặc trên các phương tiện kỹ thuật số. Ấn phẩm bản đồ là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Danh mục các hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ
2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ
3. Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao
4. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay
5. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình
6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển
7. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính
8. Thành lập bản đồ hành chính
9. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính
10. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý
12. Thành lập bản đồ chuyên đề; Atlas địa lý
13. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình
14. Kiểm định các thiết bị đo đạc

Điều 5. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tất cả các tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định tại Điều 4 của Quy định này phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Các tổ chức có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ có đủ điều kiện chuyên môn, kỹ thuật và trang thiết bị công nghệ về đo đạc và bản đồ đều được thẩm định năng lực để đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ và Quyết định số 1723/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đối với công trình trích đo địa chính

1. Các trường hợp phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định:

a) Các khu đo hình tuyến liên tục có chiều dài từ 02 km trở lên;

b) Khu đo có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên (áp dụng cho tất cả các loại tỷ lệ bản đồ).

2. Các trường hợp không thuộc Khoản 1 Điều này thì lập dự toán và phương pháp kỹ thuật, chủ đầu tư tự thẩm định nội dung dự toán và thống nhất phương pháp kỹ thuật, phê duyệt dự toán và phương pháp kỹ thuật công trình làm cơ sở thực hiện theo đúng quy định.

Điều 7. Trích đo bản đồ địa chính khu đất

1. Trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình trích đo bản đồ địa chính khu đất phải tiến hành giao nhận mốc giới khu đo tại thực địa và phù hợp với văn bản chấp thuận địa điểm của cơ quan có thẩm quyền hoặc thiết kế đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trước khi tiến hành triển khai thực hiện công tác đo đạc lập bản đồ phục vụ cho công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, đơn vị đo đạc phải lập dự toán đối với công tác trích lục hoặc lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đối với công tác trích đo địa chính khu đất. Đối với các thửa đất chỉ phải thu hồi một phần thửa (lý do thửa đất nằm cắt ngang đường ranh giới thu hồi) thì phải tiến hành đo trọn thửa đất để xác định phần diện tích bị thu hồi, phần diện tích còn lại không bị thu hồi phải được chủ sử dụng đất ký xác nhận. Đối với thửa đất có phần diện tích còn lại không bị thu hồi lớn hơn 01 (một) ha thì không phải đo trọn thửa đất, chỉ đo phần diện tích bị thu hồi và cũng phải được chủ sử dụng đất ký xác nhận.

3. Kết quả trích đo địa chính thửa đất phục vụ cho công tác thu hồi đất phải được chủ sử dụng đất, đơn vị thi công, Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận.

Điều 8. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình

1. Công trình đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định. Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường chủ đầu tư trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình làm cơ sở để thực hiện theo đúng quy định.

2. Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần thiết kế kỹ thuật (nếu có yêu cầu), chủ đầu tư tự thẩm định nội dung dự toán. Căn cứ kết quả thẩm định, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình làm cơ sở thực hiện theo đúng quy định.

Điều 9. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi

công trình, sản phẩm; kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ do các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

2. Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

3. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thành lập hội đồng tư vấn hoặc thuê tổ chức có chức năng tư vấn về địa chính, thuê chuyên gia để thực hiện kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và trực tiếp nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ được giao thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm được giao.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ do các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện.

Điều 10. Bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng và chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao thực hiện bằng ngân sách Nhà nước;

b) Tổ chức lập hoặc thuê tư vấn lập thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc dự toán và phương pháp kỹ thuật phù hợp với định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật theo quy định hiện hành;

c) Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc dự toán và phương pháp kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành;

d) Lựa chọn tổ chức có đủ tư cách pháp nhân, có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung của thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc dự toán và phương pháp kỹ thuật để thực hiện các nội dung về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ nghiệm thu các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được đơn vị tư vấn kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu chất lượng; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã nghiệm thu.

2. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ:

a) Các đơn vị tư vấn được cấp giấy phép kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được chủ đầu tư thuê để thực hiện công tác kiểm tra khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ phải có trách nhiệm kiểm tra sản phẩm theo quy định tại Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và

nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã kiểm tra, thẩm định.

3. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện sản phẩm đo đạc và bản đồ:

a) Chỉ được thực hiện các hợp đồng đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đảm bảo đúng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật được quy định trong thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc dự toán và phương pháp kỹ thuật;

b) Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị thực hiện.

4. Cơ quan Nhà nước được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm cung cấp đúng, đủ, kịp thời các thông tin, tư liệu do mình đang quản lý và chịu trách nhiệm thông tin, tư liệu do đơn vị mình cung cấp.

Điều 11. Bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc theo quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

Điều 12. Quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 13. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

1. Tổ chức và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định tại Luật Xuất bản; khi xuất bản bản đồ, ngoài việc nộp lưu chiểu theo quy định, phải nộp 01 (một) bản lưu chiểu cho Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai. Sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng và tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Việc thành lập các loại sản phẩm bản đồ chuyên đề phải dựa vào các lớp thông tin nền lấy từ hệ thống bản đồ nền, bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ hành chính do cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc bản đồ thành lập, trong trường hợp cần sử dụng thông tin nền khác phải được sự đồng ý của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VÀ KIỂM TRA, NGHIỆM THU SẢN PHẨM ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Điều 14. Hồ sơ xin đăng ký hoặc cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Đơn đề nghị đăng ký hoặc cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ);

2. Quyết định thành lập đơn vị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ (đối với đơn vị sự nghiệp) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ (đối với tổ chức kinh tế);

3. Đối với cán bộ phụ trách kỹ thuật chính: Quyết định bổ nhiệm của công ty, đơn vị; hợp đồng lao động đã được đóng bảo hiểm từ một (01) năm trở lên; bằng đại học chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ, văn bản xác nhận 03 năm thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Đối với cán bộ kỹ thuật, nhân viên làm việc trong đơn vị, tổ chức theo ngành nghề lao động đến ngành nghề đo đạc và bản đồ: hợp đồng lao động đã được đóng bảo hiểm; văn bằng, chứng chỉ theo ngành được đào tạo.

5. Chứng từ mua sắm máy móc, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ đo đạc và bản đồ.

Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian giải quyết, thẩm định hồ sơ đăng ký hoặc cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không quá 07 ngày.

Điều 15. Thủ tục kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Đối với trường hợp dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ của đơn vị đo đạc bản đồ;

b) Tài liệu kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của đơn vị đo đạc, báo cáo kết quả thực hiện công trình sản phẩm đo đạc: chất lượng, khối lượng, phương pháp thực hiện; hợp đồng đo đạc bản đồ;

c) Văn bản chấp thuận địa điểm cho nhà đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư, giới thiệu địa điểm hoặc điều chỉnh quy hoạch của cấp có thẩm quyền (đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất mới, chuyển mục đích sử dụng đất);

d) Số lượng: 03 bộ bản đồ;

đ) 01 đĩa ghi dữ liệu đo đạc và bản đồ, gồm: sổ đo lưới các cấp, sổ đo chi tiết, sơ đồ lưới, kết quả bình sai lưới tọa độ, ghi chú điểm tọa độ địa chính, bản đồ thể hiện đầy đủ các lớp thông tin theo quy định.

2. Đối với trường hợp dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ như quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Quy định này;

b) Bổ sung: Văn bản thẩm định khảo sát thiết kế - dự toán hạng mục đo đạc và bản đồ của cấp có thẩm quyền.

Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian giải quyết hồ sơ không quá 15 ngày. Đối với các trường hợp phạm vi nghiên cứu theo tuyến hoặc quy hoạch vùng thì thời gian kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu cũng không quá 20 ngày làm việc.

Điều 16. Thủ tục kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

a) Hồ sơ như quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 15.

b) Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp huyện. Thời gian giải quyết hồ sơ không quá 15 ngày.

Điều 17. Thủ tục thẩm định khảo sát thiết kế dự toán hạng mục đo đạc bản đồ

1. Văn bản đề nghị thẩm định khảo sát thiết kế dự toán hạng mục đo đạc và bản đồ của chủ đầu tư.

2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Khảo sát thiết kế - dự toán hạng mục đo đạc bản đồ, gồm: Thuyết minh phương án khảo sát; thiết kế lập trên nền bản đồ địa hình tỉ lệ 1/5.000, 1/10.000 hoặc 1/25.000; thiết kế kỹ thuật dự toán kinh phí.

4. Các sở, ban, ngành; các tổ chức, cá nhân có sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt Dự án, Thiết kế kỹ thuật, Phương án thi công,... để thực hiện công tác đo đạc bản đồ phải gửi hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ.

Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian giải quyết hồ sơ không quá 07 ngày.

Chương IV

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 18. Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

1. Quyền lợi

a) Tổ chức, cá nhân có giấy phép và đã đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ tại Sở Tài nguyên và Môi trường được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả phí kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu hoặc lệ phí khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

d) Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động hoặc đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hàng năm phải có báo cáo kết quả hoạt động về Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

đ) Các tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thực hiện hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã những nội dung thực hiện.

Điều 19. Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn thực hiện các dự án đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ của các Bộ, ngành khác.

3. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành pháp luật đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn tỉnh và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản, đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; ấn phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

6. Kiểm tra, xác nhận về mặt pháp lý của hồ sơ kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

7. Quản lý, bảo vệ các dấu mốc đo đạc, các tài liệu, số liệu về hệ thống tọa độ và độ cao thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành công trình, sản phẩm trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo địa chính khu đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Giải quyết hoặc xin ý kiến giải quyết của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, trong trường hợp các công trình của các sở, ban, ngành xây dựng trên thửa đất có chôn dấu mốc làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng để quyết định hủy bỏ, gia cố hoặc di dời.

10. Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

Điều 20. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quy định này.

Điều 21. Ủy ban nhân dân và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

1. Tổ chức tuyên truyền và giáo dục mọi công dân có ý thức tham gia bảo quản, giữ gìn các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

2. Tổ chức theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch hằng năm thực hiện dự án đo đạc và bản đồ của địa phương mình và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Báo cáo định kỳ hàng năm bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc của các công trình xây dựng đo đạc bản đồ.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc trên địa bàn hành chính cấp xã theo biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xô dịch, không bị phá hủy hoặc làm hư hỏng.

3. Thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, ngay khi phát hiện phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp ngăn chặn hành vi xâm hại và trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc và các công trình xây dựng đo đạc bản đồ.

4. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, khi nhận được văn bản yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc thì cán bộ địa chính cấp xã phải chuyển đơn tới Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc.

5. Báo cáo định kỳ hàng năm bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc của các công trình xây dựng đo đạc bản đồ.

6. Tham gia thẩm định các thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng.

Điều 23. Tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và xây dựng công trình đo đạc

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng công trình xây dựng đo đạc phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng dấu mốc đo đạc phải lập biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng dấu mốc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý có sự tham gia của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi đặt dấu mốc; sau khi hoàn thành toàn bộ dự án, chủ đầu tư phải bàn giao toàn bộ số lượng các dấu mốc kèm theo bản ghi chú điểm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 24. Tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng dấu mốc đo đạc phải được sự chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được phép sử dụng dấu mốc đo đạc thì phải liên hệ với cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn để được chỉ dẫn. Trong quá trình sử dụng không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc; sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, không được hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc. Khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại thì phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng đo đạc biết để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng công trình kiến trúc liền kề khu đất trên đó có trạm quan trắc cố định, điểm gốc đo đạc quốc gia và cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc mà làm ảnh hưởng đến các công trình này thì phải được sự thoả thuận của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; trường hợp không thoả thuận được thì Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ở địa phương để có biện pháp giải quyết.

Điều 25. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc

1. Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc đặt trên thửa đất do mình sử dụng hoặc gắn vào công trình kiến trúc của mình trong quá trình sử dụng đất và công trình.

2. Trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì phải có văn bản báo cho cán bộ địa chính cấp xã và chỉ được di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình phải có văn bản gửi cán bộ địa chính cấp xã để báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường có biện pháp bảo vệ dấu mốc.

Điều 26. Thời hạn giải quyết của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc trong trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý và 07 (bảy) ngày đối với trường hợp thuộc thẩm quyền Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý kể từ ngày nhận được văn bản của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc do cán bộ địa chính cấp xã chuyển đến, cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình biết.

2. Việc hủy bỏ hoặc di chuyển dấu mốc đo đạc phải được cập nhật trong hồ sơ, tài liệu liên quan đến dấu mốc đo đạc lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ

Cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ; tổ chức được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 28. Trách nhiệm thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Võ Văn Chánh